

Số: /CT-TTg

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2017

DỰ THẢO

CHỈ THỊ

VỀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Năm 2018, là năm giữa nhiệm kỳ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 - 2020. Năm 2018, bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới và khu vực; sự phục hồi chậm và tiềm ẩn nhiều rủi ro của kinh tế thế giới; trong nước, các cân đối vĩ mô duy trì ổn định nhưng chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế yếu và tốc độ tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng, đã và đang là những thách thức đối với nền kinh tế nước ta.

Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là các bộ, ngành trung ương và địa phương) tập trung chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 với các yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

1. Đánh giá sát thực, đúng thực chất tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, bao gồm: Các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2017. Phân tích, đánh giá những kết quả về ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tái cơ cấu kinh tế, thực hiện các đột phá lớn, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp; các lĩnh vực khoa học, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, tài nguyên và môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, cải cách hành chính, quốc phòng, an ninh,... và có những giải pháp phục hồi sản xuất thúc đẩy tăng trưởng, ổn định đời sống nhân dân.
2. Dự báo kịp thời, sát tình hình thế giới và trong nước, những cơ hội, thách thức đối với sự phát triển để có giải pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực có thể xảy ra.
3. Trên cơ sở kết quả đã đạt được và dự báo tình hình trong nước và thế giới, căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 đã được Quốc hội thông qua, các điều kiện thực tế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương, các bộ, ngành trung ương và địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018.
4. Việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 phải phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020, kế hoạch tài chính - NSNN 3 năm 2018-2020; 3 Nghị quyết được ban hành tại Hội

ngộ Trung ương 5 Khóa XII gồm: "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"; "Tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước"; "Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa".

5. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 phải được triển khai xây dựng đồng bộ, hệ thống, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị.

6. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả; tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

B. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Bảo đảm ổn định vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao hơn năm 2017, chú trọng cải thiện chất lượng, hiệu quả tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và tăng cường năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và cả nền kinh tế. Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ và công bằng xã hội. Ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản biên chế gắn với cải cách công vụ, công chức, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế vĩ mô: Tiếp tục thực hiện đồng bộ, linh hoạt các chính sách kinh tế vĩ mô nhằm bảo đảm ổn định các cân đối vĩ mô, kiểm soát lạm phát. Thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt. Điều hành lãi suất, tỷ giá phù hợp với nguyên tắc thị trường, diễn biến kinh tế vĩ mô. Quản lý hiệu quả thị trường ngoại tệ, thị trường vàng; tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước phù hợp với điều kiện thực tế. Điều hành tín dụng phù hợp, chú trọng các lĩnh vực ưu tiên gắn với nâng cao chất lượng tín dụng. Tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn liền với xử lý nợ xấu, lành mạnh hóa tình hình tài chính, nâng cao năng lực quản trị của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và phù hợp với thông lệ quốc tế; tăng cường đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giám sát ngân hàng.

Thực hiện chính sách tài khóa chủ động, chặt chẽ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách; kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước. Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước theo hướng hiệu quả, bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, an toàn nợ công. Huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế.

2. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 khoảng 6,4%-6,8%. Các địa phương căn cứ số liệu tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) 6 tháng đầu năm 2017 của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) công bố, đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tế ở địa phương ước thực hiện cả năm và dự báo triển vọng phát triển để xác định chỉ tiêu GRDP năm 2018 cho phù hợp.

3. Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020.

4. Đẩy mạnh thực hiện 3 đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và cam kết hội nhập quốc tế sâu rộng. Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại. Tập trung nguồn lực xây dựng các công trình lớn, quan trọng thiết yếu, nhất là tại các khu vực có tiềm năng phát triển và giải quyết các ách tắc, quá tải. Tập trung triển khai các dự án đường sắt đô thị, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, tập trung ưu tiên cho đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường thủy nội địa và đường ven biển, dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành,... Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển, trong đó: tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết Trung ương số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; tập trung nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường lao động phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế.

5. Thúc đẩy tăng trưởng các ngành/lĩnh vực gắn với phát triển thị trường trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phân đấu cân bằng thương mại bền vững

- Đẩy mạnh cơ cấu lại sản xuất nông nghiệp: Nghiên cứu sửa đổi chính sách về đất đai để khuyến khích tích tụ ruộng đất, tiến hành cơ giới hóa, tạo điều kiện sản xuất hàng hóa lớn; có chính sách đột phá về khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Có giải pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông thôn, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; tăng cường gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; tăng sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao. Tăng cường các giải pháp quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xử lý dứt điểm việc sử dụng chất cấm trong sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản.

- Tiếp tục phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu. Từng bước thực hiện các giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế biến, chế tạo và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp đối với các sản phẩm công nghiệp được sản xuất ở Việt Nam.

Thúc đẩy đổi mới công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất, tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư để nâng cao năng suất lao động, phát triển các ngành công nghiệp mới.

Hỗ trợ tích cực phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam. Tăng cường công tác quy hoạch và tổ chức sản xuất đáp ứng nhu cầu về nguyên phụ liệu để gia tăng hàm lượng nội địa cho hàng hóa xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu.

Tăng cường công tác bảo vệ môi trường và giảm thiểu phát thải đối với các doanh nghiệp công nghiệp, đặc biệt là các ngành có nguy cơ ô nhiễm môi trường và phát thải cao như sắt thép, xi măng, hóa chất, nhiệt điện.

- Phát triển thị trường trong nước, ổn định cung - cầu hàng hoá; tăng cường kiểm soát chất lượng và giá cả các mặt hàng, sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống, sức khoẻ nhân dân; thắt chặt công tác quản lý thị trường, xử lý kịp thời các trường hợp gian lận thương mại, buôn lậu, hàng giả, hàng nhái, kém chất lượng nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của các nhà sản xuất và người tiêu dùng.

- Tiếp tục phát triển xuất khẩu các mặt hàng chế tạo có công nghệ trung bình và công nghệ cao, phù hợp với xu hướng của thị trường thế giới, lợi thế của Việt Nam. Tập trung phát triển, khai thác cả các thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng cho các sản phẩm có sức cạnh tranh lớn, có giá trị gia tăng cao hoặc các nhóm sản phẩm có tỷ trọng kim ngạch lớn.

- Ưu tiên nhập khẩu công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ nguồn; hạn chế nhập khẩu các hàng hóa trong nước đã sản xuất, hàng xa xỉ; tiếp tục kiểm soát có hiệu quả việc nhập khẩu các mặt hàng không thiết yếu, các hàng hoá trong nước sản xuất được.

6. Tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đã đề ra tại Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06 tháng 2 năm 2017, với mục tiêu là tạo ra điều kiện thuận lợi nhất cho đầu tư kinh doanh, giảm tối đa các chi phí khởi nghiệp, tạo điều kiện để giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó tập trung hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, thực hiện cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ trong cơ cấu lại doanh nghiệp.

Đẩy nhanh quá trình cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và xây dựng các văn bản dưới luật liên quan đến cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh và hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp.

7. Tăng cường công tác bảo vệ môi trường, chú trọng hiệu quả phát triển, hướng tới phát triển kinh tế xanh, bền vững.

Tiếp tục thực hiện chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 29/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc ô nhiễm môi trường biển miền Trung.

Đầu tư một số dự án cấp bách thuộc Chương trình ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh. Triển khai xây dựng kế hoạch hành động thúc đẩy lồng ghép thực hiện tăng trưởng xanh vào kế hoạch phát triển bền vững và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành và địa phương. Thúc đẩy huy động nguồn lực tư nhân trong triển khai các hoạt động thực hiện xanh hóa nền kinh tế hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững theo chương trình nghị sự 2030 của Việt Nam. Xây dựng chỉ tiêu giám sát và đánh giá việc thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh. Thúc đẩy, tăng cường hơn nữa hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tăng trưởng xanh hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững trong Chương trình nghị sự 2030.

8. Phát triển hệ thống an sinh xã hội và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân.

- Thực hiện các chính sách giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động. Ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu lao động. Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, nâng cao hiệu quả của hệ

thống. Thực hiện tốt các chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người có công. Tiếp tục cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi đối với người có công.

Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; ưu tiên nguồn lực phát triển các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng khó khăn, thường xuyên bị thiên tai.

- Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Củng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra. Tiếp tục triển khai các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Phát triển y tế ngoài công lập, hình thành các cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công tư và mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích. Đổi mới cơ chế tài chính, mở rộng quyền tự chủ về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập. Gắn việc điều chỉnh giá dịch vụ y tế với lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Cung ứng đủ về số lượng, an toàn về chất lượng thuốc, vắc xin, sinh phẩm và trang thiết bị phục vụ nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tăng cường các biện pháp bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, quản lý môi trường y tế.

9. Phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc đồng thời khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học, nghệ thuật.

Thực hiện hiệu quả các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Thực hiện tốt công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Chú trọng công tác người cao tuổi, người khuyết tật. Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên giai đoạn 2011-2020.

Hoàn thiện các chính sách quản lý nhà nước về tín ngưỡng tôn giáo. Tăng cường công tác quản lý người nghiện và cai nghiện ma túy; nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ sở cai nghiện.

10. Về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí

Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp. Tăng cường biện pháp triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các định mức, tiêu chuẩn, đặc biệt là trong đầu tư xây dựng. Tập trung thanh tra, kiểm tra các vấn đề có nhiều dư luận liên quan đến tham nhũng, lãng phí như: đất đai, tài nguyên khoáng sản, các dự án đầu tư theo hình thức BOT, BT, cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, tài chính, ngân hàng, thuế, hải quan, đầu tư nước ngoài,... Nâng cao hiệu quả phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử các vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, kéo dài để làm rõ và xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân có sai phạm gây thất thoát, thua lỗ lớn đặc biệt là trong các dự án đang được dư luận xã hội quan tâm. Nâng cao hiệu quả của công tác thu hồi tài sản nhà nước trong các vụ án kinh tế lớn.

11. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn chặt với thể trận an ninh nhân dân, đảm bảo xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra. Phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các lực lượng để tạo sức mạnh tổng hợp xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc ở từng địa bàn và trên cả nước.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại an ninh, quốc phòng theo đúng đường lối, quan điểm của Đảng. Xây dựng quân đội nhân dân, công an nhân dân cách mang chính quy, tinh nhuệ từng bước hiện đại, có chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

12. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế

Nỗ lực hoàn tất các cam kết quốc tế lớn có thời hạn vào năm 2015-2020 nhằm nâng tầm hội nhập quốc tế, trong đó ưu tiên: (i) Cam kết xây dựng Cộng đồng ASEAN, Tầm nhìn ASEAN đến năm 2025; (ii) Cam kết gia nhập WTO (thời hạn 31/12/2018), các Mục tiêu Bô-go của APEC về tự do hóa thương mại và đầu tư vào năm 2020. Hoàn tất đàm phán và triển khai thực thi các Hiệp định FTA, các FTA với Liên minh Kinh tế Á – Âu, EU và Hàn Quốc; hoàn tất đàm phán RCEP và FTA với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA); các cam kết trong 8 FTA đã ký... Các FTA của ASEAN (AFTA), ASEAN với Trung Quốc, Hàn Quốc có thời hạn cắt giảm thuế năm 2018.

Nỗ lực tạo đột phá trong vận động các đối tác, nhất là các đối tác lớn, sớm công nhận quy chế kinh tế thị trường của ta trước thời hạn 2018.

13. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền theo hướng công khai, minh bạch, kịp thời và hiệu quả nhằm tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới, biển, đảo; đấu tranh chống lại các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Thông tin đầy đủ, kịp thời về các vấn đề được dư luận, xã hội quan tâm.

III. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

1. Đối với dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2018

Các bộ, ngành, địa phương triển khai Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững. Bổ sung các cơ chế tạo nguồn cải cách tiền lương, thu từ nguồn bán bớt phần vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp trên cơ sở phù hợp với dự kiến tại Nghị quyết số 25/2016/QH14 của Quốc hội về kế hoạch tài chính 5 năm của quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 26/2016/QH14 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020.

Phân đấu tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GDP năm 2018 khoảng 21%. Dự toán thu nội địa (không kể thu từ dầu thô, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết) tăng bình quân tối thiểu 12-14% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017 (loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5-7% so với đánh giá ước thực hiện năm 2017. Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương.

2. Đối với dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2018

Thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ, chủ động sắp xếp thứ tự các nhiệm vụ chi ưu tiên theo mức độ quan trọng, cấp thiết và khả năng triển khai trong năm 2018. Chi trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách mới khi cần đổi được nguồn; chủ

động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định.

Khi xây dựng dự toán và bố trí ngân sách nhà nước năm 2018, các bộ, ngành trung ương và địa phương cần chú ý các nội dung sau:

a) Chi đầu tư phát triển

- Chi đầu tư phát triển nguồn NSNN (bao gồm cả vốn trái phiếu Chính phủ, vốn xổ số kiến thiết, nguồn bán bớt phần vốn Nhà nước tại một số doanh nghiệp) phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn NSNN phải thực hiện đúng quy định hiện hành; ưu tiên bố trí vốn đầu tư cho 02 chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, các địa phương chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm liên ngành, liên lĩnh vực để thúc đẩy phát triển kinh tế, tăng trưởng GDP.

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước: Từ ngày 01/01/2017, toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước (sau khi trừ chi phí) phát sinh đều phải được nộp vào NSNN theo quy định của Luật NSNN năm 2015. Các bộ, ngành trung ương và địa phương lập dự toán thu, chi NSNN năm 2018 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư và cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán NSNN trình cấp có thẩm quyền quyết định.

b) Chi thường xuyên

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo từng lĩnh vực, đảm bảo đủ nhiệm vụ, đúng chính sách, chế độ, theo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; rà soát cắt giảm những khoản chi không thực sự cần thiết, chỉ giữ lại những khoản chi thiết yếu cho con người; triệt để tiết kiệm, gắn với việc tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, giảm tần suất và thắt chặt các khoản chi lễ hội, khánh tiết,... theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; hạn chế bố trí kinh phí đi nghiên cứu, khảo sát nước ngoài, mua sắm ô tô và trang thiết bị đắt tiền; mở rộng thực hiện khoán xe ô tô công.

Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công, đồng thời tạo cơ chế thuận lợi để các đơn vị hành chính sự nghiệp công lập sớm tự chủ về mặt tài chính, qua đó giúp giảm tải số người hưởng lương từ ngân sách Nhà nước.

Các bộ, ngành trung ương và địa phương từng bước thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công. NSNN giảm cấp chi thường xuyên cho các cơ sở sự nghiệp công lập đối với các khoản chi đã được kết cấu vào giá dịch vụ theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ của từng lĩnh vực sự nghiệp công, dành nguồn để tăng chi thực hiện các chương trình, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người nghèo và các đối tượng chính sách để tiếp cận và thụ hưởng các dịch vụ sự nghiệp công, thực hiện cải cách tiền lương và chi đầu tư phát triển, trên cơ sở đó cơ cấu lại trong từng lĩnh vực chi thường xuyên, từng bước cơ cấu lại chi NSNN.

c) Chi dự trữ quốc gia

Căn cứ Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2020, kế hoạch dự trữ quốc gia 5 năm 2016 - 2020, các bộ, ngành trung ương quản lý hàng dự trữ quốc gia xây dựng kế hoạch và dự toán chi dự trữ quốc gia cho năm 2018 trên tinh thần triệt để tiết kiệm, tập trung vào các mặt hàng thiết yếu, chiến lược; ưu tiên các mặt hàng dự trữ quốc gia phục vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và quốc phòng, an ninh.

d) Đối với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu

Các bộ, cơ quan trung ương được giao quản lý chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình, tổng mức vốn, kinh phí đã được duyệt, mức đã bố trí năm 2016, 2017 và khả năng thực hiện, hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương lập dự toán vốn, kinh phí thực hiện chương trình phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018; đồng thời, tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính.

Các bộ, ngành trung ương và các địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao tại quyết định phê duyệt từng chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu, hướng dẫn bổ sung cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cơ quan chủ chương trình theo quy định.

đ) Đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

Thực hiện lập dự toán theo đúng trình tự, quy định của Luật NSNN năm 2015, Luật đầu tư công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn thi hành. Căn cứ Hiệp định đã ký với nhà tài trợ, khả năng thực hiện năm 2017, cơ chế tài chính của các chương trình, dự án, các bộ, cơ quan trung ương lập dự toán chi NSNN từ nguồn vốn ODA và vay ưu đãi, trong đó chi tiết vốn vay, vốn viện trợ, vốn đối ứng; đồng thời phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp.

Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả cấp phát và cho vay lại phải làm rõ mức vốn cho từng phần. Lập dự toán chi từ nguồn vốn ngoài nước phải đảm bảo đúng, đủ và trong phạm vi hạn mức quy định tại Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia. Có tính toán dự báo về các hạn mức sau năm 2020 làm cơ sở cho việc chuẩn bị, đàm phán, hoàn thành thủ tục (ví dụ: đề xuất, chủ trương đầu tư, hiệp định...) cho các dự án sử dụng ODA và vốn vay ưu đãi mới.

e) Lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương

Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương bao gồm: tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); 50% nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư...); đồng thời, yêu cầu các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp có nguồn thu được giao tự chủ phần đầu tăng thu cùng với lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ và sử dụng nguồn thu này ưu tiên để thực hiện cải cách tiền lương.

g) Ngân sách trung ương và ngân sách địa phương các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

h) Các bộ, ngành trung ương và các cơ quan, đơn vị ở địa phương báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2017 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2018 của các quỹ tài chính nhà

nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2018

Ngoài việc bảo đảm các yêu cầu tại các khoản 1, 2 Mục III, việc xây dựng dự toán ngân sách địa phương các cấp năm 2018 còn phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Dự toán thu NSNN trên địa bàn

Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố chỉ đạo các cơ quan Tài chính, Thuế, Hải quan, phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ trong việc xây dựng dự toán thu ngân sách. Đồng thời, yêu cầu hội đồng nhân dân, UBND các tỉnh, thành phố rà soát, lập dự toán tích cực, sát thực tế phát sinh tổng hợp đầy đủ các khoản thu mới trên địa bàn để tính đúng, tính đủ nguồn thu, không để phần dư địa để thực hiện giao chỉ tiêu phân đầu thu, lấy chỉ tiêu pháp lệnh thu của Quốc hội, Chính phủ giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn.

b) Dự toán chi ngân sách địa phương

Căn cứ vào nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương được giao năm 2017; trên cơ sở mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của địa phương; thực tế thực hiện các nhiệm vụ thu - chi ngân sách của địa phương năm 2016, ước thực hiện năm 2017, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật NSNN năm 2015, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ của trung ương sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương (kể cả nguồn cải cách tiền lương còn dư sau khi đã đảm bảo đủ nhu cầu cải cách tiền lương của địa phương theo quy định tại Quyết định 579/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW cho NSDP thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020).

c) Đối với nguồn thu tiền sử dụng đất

Dự toán thu được xây dựng trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất; đồng thời, lập phương án bố trí chi đầu tư phát triển từ khoản thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

d) Đối với nguồn thu xổ số kiến thiết

Các địa phương dự toán nguồn thu này trong dự toán thu cân đối ngân sách địa phương, sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, công trình ứng phó với biến đổi khí hậu và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

đ) Đối với bội chi/bội thu vay và trả nợ của ngân sách địa phương

Thực hiện theo đúng quy định của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

Ngân sách cấp tỉnh từng địa phương chỉ được phép bội chi khi đáp ứng đủ các quy định và điều kiện của Luật NSNN năm 2015 và các văn bản hướng dẫn. Thực hiện đánh giá đầy đủ tác động của nợ ngân sách địa phương, nhu cầu huy động vốn cho đầu tư phát triển và khả năng trả nợ

trong trung hạn của ngân sách địa phương trước khi đề xuất, quyết định các khoản vay mới. Đối với các dự án ODA và vay ưu đãi, các địa phương chủ động phối hợp với các Bộ, ngành hoàn thiện các thủ tục và ký kết Hiệp định để có đủ cơ sở bố trí kế hoạch giải ngân vốn vay trong dự toán năm 2018 và dự kiến khả năng giải ngân của từng khoản vay để xây dựng kế hoạch vay nợ và bội chi NSDP cho phù hợp.

Các địa phương chủ động bố trí nguồn để trả nợ đầy đủ các khoản nợ (cả gốc và lãi) đến hạn, đặc biệt là các khoản vay nước ngoài Chính phủ vay về cho vay lại. Đối với các địa phương có mức dư nợ huy động vượt mức giới hạn dư nợ vay, phải dành nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, giảm kế hoạch chi đầu tư công trung hạn để bố trí tăng chi trả nợ gốc, bảo đảm mức dư nợ vay không vượt quá mức dư nợ vay của địa phương theo quy định.

4. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018-2020

Thực hiện Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết việc lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm, Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia trình Chính phủ, báo cáo Quốc hội; hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm.

Các bộ, ngành trung ương và các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I ở cấp tỉnh lập kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018-2020 thuộc phạm vi quản lý gửi cơ quan tài chính, cơ quan kế hoạch và đầu tư cùng cấp để tổng hợp theo quy định của Luật NSNN năm 2015 và Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Đối với việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2018 - 2020, các bộ, ngành trung ương và địa phương sử dụng dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 trình cấp có thẩm quyền để xác định trần chi ngân sách, chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới cho năm 2018 và 02 năm tiếp theo.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018

Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2018 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các văn bản hướng dẫn thi hành luật, trong đó lưu ý các nguyên tắc:

1. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Mục III nêu trên.
2. Đối với kế hoạch đầu tư nguồn thu để lại cho đầu tư chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước tính toán xác định đủ các khoản thu theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó các bộ, ngành trung ương và địa phương lưu ý việc sử dụng nguồn thu từ bán tài sản, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất để đầu tư, phải lập kế hoạch đầu tư từ nguồn thu này theo đúng quy định.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ và những quy định trong Chỉ thị này, hướng dẫn cụ thể về nội dung và tiến độ xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công và Luật ngân sách nhà nước năm 2015.
2. Các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cấp chính quyền địa phương hướng dẫn và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch phát

triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước cấp mình theo đúng quy định tại Chỉ thị này và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện Chỉ thị này./

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (3b).

Nguyễn Xuân Phúc